

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/DS-ST

Ngày: 25-02-2021

V/v “tranh chấp hội”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Sơn Ngọc Trọng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Trần Quốc Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 539/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1970 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Ông Bông Thành V (vắng mặt).

Bà Hồ Thị N, sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày: Vào ngày 02/9/2016 (âl), ông Bông Thành V và bà Hồ Thị N có mở dây hội 1.000.000 đồng, dây hội gồm 41 phần, ông T có tham gia 01 phần trong danh sách hội theo số thứ tự 41 tên T. Đối với dây hội này ông T đã đóng được 34 lần thì bà N và ông V tuyên bố đình hội, tương ứng với số tiền  $(1.000.000 \text{ đồng} \times 01 \times 34 \text{ lần}) = 34.000.000 \text{ đồng}$ .

Vào ngày 15/12/2016 (âl), ông Bông Thành V và bà Hồ Thị N có mở dây hụi 1.000.000 đồng, dây hụi gồm 41 phần, ông T có tham gia 01 phần trong danh sách hụi theo số thứ tự 21 tên Tùng. Đối với dây hụi này ông T đã đóng được 30 lần thì ông V và bà N tuyên bố đình hụi, tương ứng với số tiền (1.000.000 đồng x 01 x 30 lần) = 30.000.000 đồng.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V và bà N trả cho ông số tiền còn nợ là 64.000.000 đồng.

Tại biên bản làm việc ngày 10 tháng 12 năm 2020 và tại phiên tòa bị đơn bà Hồ Thị N trình bày: Trước đây bà có mở hai dây hụi và ông T có tham gia mỗi dây 01 chung đúng như ông T trình bày. Đối với số tiền nợ 02 dây hụi là 64.000.000 đồng. Hiện nay giữa bà và ông Bông Thành V vẫn chung sống với nhau như vợ chồng. Nay bà thống nhất cùng ông V trả số tiền trên cho ông T.

Đối với ông Bông Thành V đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông V vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Bông Thành V và bà Hồ Thị N trả tiền nợ hụi. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hụi*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Bông Thành V là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Bông Thành V.

[3] Tại phiên tòa ông Võ Văn T yêu cầu ông V, bà N trả số tiền nợ hụi là 64.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà N thừa nhận bà còn nợ của ông T 64.000.000 đồng tiền hụi. Do đó, có cơ sở xác định bà N và ông V có mở 02 dây hụi với giá 1.000.000 đồng do bà N và ông V làm chủ. Trong quá trình giao dịch hụi, hai dây hụi trên đã đình hụi và còn nợ lại ông T với số tiền 64.000.000 đồng là có thật vì bà N đã thừa nhận, nên ông T yêu cầu bà N và ông V trả 64.000.000 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa bà N thừa nhận còn nợ tiền hụi của ông T, quá trình mở hụi thì tiền cò (huê hồng) được sử dụng chung trong gia đình và bà N nợ ông T trong thời kỳ hôn nhân giữa bà N và ông V. Mặt khác, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông V nhưng ông V không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông V và bà N trả số tiền 64.000.000 đồng.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nay buộc ông Bông Thành V và bà Hồ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 về hội, họ, biểu, phurong và áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Võ Văn T. Buộc ông Bông Thành V và bà Hồ Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Văn T số tiền 64.000.000 đồng (sáu mươi bốn triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Bông Thành V và bà Hồ Thị N cùng liên đới phải chịu 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Ông Võ Văn T đã nộp tạm ứng số tiền 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền số 0012046 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay hoàn lại toàn bộ cho ông Võ Văn T.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được công bố hợp lệ.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

## **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sơn Ngọc Trọng**